

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2024/HNGĐ – ST**
Ngày 09-12 2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ;
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 271a/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20/11/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1978. Nơi thường trú: Số B khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: Số H ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Minh Q, sinh năm 1980. Nơi thường trú: Số A ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: Số H ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Vào năm 2003 bà và ông Lâm Minh Q được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2003. Trong thời gian sống chung bà và ông Lâm Minh Q có 01 con chung tên Lâm Thị Cẩm C, sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên; bà và ông Lâm Minh Q không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; hiện nay bà và ông Lâm Minh Q không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Minh Q. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Tên Lâm Thị Cẩm C, sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Lâm Minh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lâm Minh Q vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lâm Minh Q, sinh năm 1980. Nơi thường trú số 868 ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lâm Minh Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lâm Minh Q vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2003. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Hồng Đ xin ly hôn với ông Minh Q là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy: Hiện nay bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông Lâm Minh Q biết rõ việc bà Nguyễn Thị Hồng Đ xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là phù hợp. Do bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Tên Lâm Thị Cẩm C, sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
[5] Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.
[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Lâm Minh Q.

Do bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lâm Minh Q không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Tên Lâm Thị Cẩm C, sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005103 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Tất Linh – Đỗ Văn Lom

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoäi thaâm nhaân daân
phieân toaø**

Thaâm phaùn – Chuû toãi

Nguyễĩn Văn C1 – Phạm Minh Đạt Huyønh Thò P

